TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 01 năm 2018
"*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khả Hòa;
2. Ông Nguyễn Đình Dược;

- *Thư ký phiên toà*: Bà Đoàn Thị Minh Chinh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà*: Ông Huỳnh Quốc Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/01/2018, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2017 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H Sinh năm 1981
Địa chỉ: Làng C, xã Ia P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt
2. Bị đơn: Anh Lê Đình T Sinh năm 1981
Địa chỉ: Làng C, xã Ia P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình T có trải qua thời gian tìm hiểu được một năm và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/5/2001 tại UBND xã Ia P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Theo chị H: Cuộc sống của vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn ngay từ thời gian đầu mới chung sống do tính cách cục cằn, thô lỗ của anh T. Nhưng do con còn nhỏ, chị H lại là công nhân nên chị cứ cắn răng chịu đựng vì sợ ảnh hưởng đến con cái và đơn vị. Nhưng chị càng chịu đựng bao nhiêu thì anh T càng nhẫn tâm và quá đáng bấy nhiêu. Ngoài việc thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm chị H, anh T còn sa đà cờ bạc, rượu chè, không chịu làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con, mọi việc trong gia đình đều do chị Hh xoay xở, cáng đáng nuôi các con ăn học.

Nhận thấy cuộc sống của vợ chồng đã mâu thuẫn thực sự trầm trọng kéo dài nhiều năm, sống không có hạnh phúc nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đình T.

Anh T công nhận anh và chị Nguyễn Thị H có trải qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/5/2001 tại UBND xã Ia P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai như chị H trình bày.

Trong thời gian chung sống, giữa anh và chị H cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ do bất đồng trong cách nuôi dạy con cái, không đến mức phải ly hôn. Những lời chị H trình bày trong đơn ly hôn là chưa hoàn toàn chính xác, bản thân anh không uống rượu, chỉ thi thoảng đánh bài vui với mấy anh em trong xóm nhưng không nghiện ngập, anh vẫn còn yêu thương và sống chung với chị hạnh và các con nên anh không nhất trí ly hôn.

- *Về con chung và nuôi con chung*: Anh Lê Đình T thừa nhận anh và chị Nguyễn Thị H có 03 con chung tên:

- Lê Thị Thanh P Sinh ngày 30/6/2002. Học sinh
- Lê Thị Mỹ Đ Sinh ngày 20/6/2005. Học sinh
- Lê Thị Thanh H Sinh ngày 11/01/2012. Còn nhỏ

Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động, tự lập được. Chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/con/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 1/2018 cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động tự lập được.

Anh T nhất trí giao cho chị H nuôi cháu Lê Thị Thanh P, cháu Lê Thị Mỹ Đ và cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/con/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 1/2018 cho đến khi cháu P, cháu Đ thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Anh T có nguyện vọng xin được nuôi cháu Lê Thị Thanh H, sinh ngày 11/01/2012 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí để sung vào công quỹ nhà nước và anh T cũng nhất trí.

* Tài liệu chứng cứ mà chị H đã giao nộp cho Tòa án đã tiếp cận công khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, gồm có:

- 01 Sổ hộ khẩu (photo, chứng thực);
- 02 Chứng minh nhân dân (photo, chứng thực);
- 01 Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính).
- 03 Giấy khai sinh (photo, chứng thực).

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

1/Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với anh Lê Đình T được Toà án xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng đúng Pháp luật qui định. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử tại phiên toà đều đảm bảo đúng qui định.

2/ Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng kéo dài, anh T thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm chị H, anh T còn sa đà cờ bạc, rượu chè, không lo làm ăn, không có trách nhiệm gì với vợ con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T là có căn cứ.

- Về con chung và nuôi con chung: Cháu Đ và cháu P có ý kiến ở với mẹ là phù hợp với nguyện vọng của chị H, anh T cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/con/tháng. Xét việc thỏa thuận của anh T và chị H không vi phạm điều cấm của luật phù hợp với đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T xin nuôi cháu Lê Thị Thanh H, sinh ngày 11/01/2012 là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì chị H và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T đều không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án, anh T cũng đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên nội dung ý kiến đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình T có trải qua thời gian tìm hiểu được một năm và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/5/2001 tại UBND xã Ia P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là tự nguyện và hợp pháp.

Xét thấy, trong cuộc sống anh T thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm chị H, ngoài ra còn cờ bạc, rượu chè, sống không có trách nhiệm với vợ con, mọi việc trong gia đình đều do chị H xoay xở, cáng đáng nuôi chồng và các con ăn học. Trong thời gian giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần hòa giải để chị H và anh T bỏ qua lỗi lầm của nhau trở về đoàn tụ nhưng chị H nhất mực cương quyết xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T đã thực sự đổ vỡ, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng kéo dài không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống. Do đó, Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Đình T là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị H và anh T công nhận có 03 con chung tên:

- Lê Thị Thanh P Sinh ngày 30/6/2002. Học sinh
- Lê Thị Mỹ Đ Sinh ngày 20/6/2005. Học sinh
- Lê Thị Thanh H Sinh ngày 11/01/2012. Còn nhỏ

Theo nguyện vọng của các con đều xin ở với mẹ nên chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 cháu và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/con/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 1/2018 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động tự lập được.

Tại phiên tòa, anh T nhất trí giao hai cháu P, Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, anh T nhất trí cấp dưỡng nuôi cháu P, cháu Đ 1.000.000đ/cháu/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 1/2018 cho đến khi cháu P, cháu Đ thành niên và có khả năng lao động tự lập được.

Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức, không trái qui định của pháp luật phù hợp với nguyện vọng của cháu P, cháu Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T là có căn cứ và đúng qui định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2014.

Anh T và chị H đều có nguyện vọng xin nuôi cháu Lê Thị Thanh H. Tuy nhiên, giao cháu H cho ai nuôi dưỡng phải cân nhắc, xem xét toàn diện, đầy đủ điều kiện đảm bảo cho sự phát triển về tốt nhất về thể chất, tinh thần, tâm sinh lý của cháu là cần thiết .

Xét thấy, tại thời điểm xét xử cháu H mới tròn 5 tuổi, còn quá nhỏ lại là con gái cần sự chăm sóc dậy dỗ của người mẹ hơn. Ngoài ra, kể từ khi chị H và anh T sống ly thân đến nay cháu H do chị H trực tiếp chăm sóc nên cần thiết phải giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu H 1.000.000đ/tháng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 1/2018 cho đến khi cháu H thành niên và có khả năng lao động tự lập được.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xủ không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H tự nguyện chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn và 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ Nhà nước là tự nguyện không trái qui đinh của pháp luật nên Hộ đồng xét xử chấp nhập.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51, 56, 57,81,82,83,84,110,116,117,118 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 266; của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 18, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Đình T.

+ *Về con chung và nuôi con chung*: Giao cả ba con chung tên: Lê Thị Thanh P, sinh ngày 30/6/2002; Lê Thị Mỹ Đ, sinh ngày 20/6/2005; Lê Thị Thanh H, sinh ngày 11/01/2012 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/con/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 1/2018 cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động tự lập được.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, chị H và anh T đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0006723 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị H còn phải tiếp tục nộp thêm 300.000đ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (04/01/2018).

(Đã giải thích thủ tục và phạm vi kháng cáo)

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKS;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia P;
- THADS ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ KIM THOA